

Số: 10 /QĐ-CCCNTY

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục chi tiết và biểu giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật và chẩn đoán thú y tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Ninh Thuận

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thành lập Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-SNNPTNT ngày 08/04/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý dịch bệnh và Phòng Hành chính tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Danh mục chi tiết và biểu giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật và chẩn đoán thú y tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y Ninh Thuận*” (Chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Phòng Hành chính tổng hợp có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này;

2. Niêm yết công khai Danh mục chi tiết và biểu giá dịch vụ tiêm phòng tiêu độc, khử trùng cho động vật và chẩn đoán thú y tại các đơn vị có liên quan thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Ninh Thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/01/2017.

Điều 4. Phòng Hành chính tổng hợp, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, trạm trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở NN&PTNT (b/c);
- CCT, 02 PCCT;
- Lưu: VT, HCTH.

CHI CỤC TRƯỞNG

h h a k
Trưởng Khắc Trí



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CHI TIẾT VÀ BIỂU GIÁ DỊCH VỤ
TIÊM PHÒNG, TIÊU ĐỘC, KHỬ TRÙNG CHO ĐỘNG VẬT
(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-CCCNTY ngày 13 /01 /2017
của Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Tiêm phòng cho động vật		
1	Tiêm phòng trâu, bò, ngựa		
	- Mũi đầu	Lần/con	4.700
	- Từ mũi thứ 2	Lần/con	1.800
2	Tiêm phòng lợn, dê, cừu		
	- Mũi đầu	Lần/con	2.800
	- Từ mũi thứ 2	Lần/con	1.800
3	Tiêm phòng chó, mèo	Lần/con	5.600
4	Tiêm phòng gia cầm	Lần/con	320
II	Tiêu độc, khử trùng cho động vật		
1	Xe ô tô	Lần/cái	47.000
2	Các loại xe khác	Lần/cái	12.000
3	Sân, bến bãi, khu cách ly kiểm dịch, cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất con giống, ấp trứng, cơ sở giết mổ động vật, chế biến sản phẩm động vật, cơ sở kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, chợ mua bán sản phẩm động vật	m ²	700

Ghi chú:

- Mục I “Tiêm phòng cho động vật”: Chưa tính tiền vắc xin;
- Mục II “Tiêu độc, khử trùng cho động vật”: Đã tính tiền hóa chất (Loại hóa chất Benkocid: 1 lít/40 xe ô tô hoặc 1 lít/160 phương tiện xe khác (xe máy, xe ba bánh, ...).
- Giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).
- Tiêm phòng trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu,...từ mũi thứ 2 được hiểu là mũi tiêm cùng thời điểm với mũi tiêm đầu (ví dụ: mũi tiêm đầu tiên vắc xin A, mũi thứ 2 tiêm vắc xin B). Tiêm lặp lại mức thu được áp dụng giống mũi tiêm đầu.



PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CHI TIẾT VÀ BIỂU GIÁ
DỊCH VỤ CHẨN ĐOÁN THÚ Y

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-CCCNTY ngày 15 /01 /2017
của Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Động vật trên cạn		
1	Tư vấn xét nghiệm	Lần	48.000
2	Lấy mẫu		
2.1	Lấy mẫu máu trâu bò	Mẫu	30.000
2.2	Lấy mẫu máu tiểu gia súc (lợn, dê, cừu, chó, mèo, thỏ....)	Mẫu	18.000
2.3	Lấy mẫu máu gia cầm	Mẫu	4.600
2.4	Lấy mẫu khác (swab, phân..)	Mẫu	8.000
3	Chẩn đoán bệnh lý học		
3.1	Mổ khám đại gia súc (thực địa)	Mẫu	219.000
3.2	Mổ khám một số bệnh truyền lây nguy hiểm (dại,...)	Mẫu	180.000
3.3	Mổ khám tiểu gia súc (lợn, dê, cừu, chó, mèo, thỏ,...)	Mẫu	48.000
3.4	Mổ khám gia cầm	Mẫu	28.000
4	Xét nghiệm ký sinh trùng		
4.1	Phát hiện ký sinh trùng đường tiêu hóa bằng phương pháp lắng cận-phủ nổi	Mẫu	63.000
4.2	Phát hiện trứng sán bằng phương pháp lắng cận	Mẫu	34.000
4.3	Phát hiện trứng giun tròn, noãn nang cầu trùng, bằng phương pháp phủ nổi	Mẫu	35.000
4.4	Định lượng trứng giun tròn, noãn nang cầu trùng, bào tử bằng phương pháp Mc Master	Mẫu	44.000
4.5	Phát hiện ngoại ký sinh trùng	Mẫu	31.000
II	Thủy sản		
1	Phát hiện bằng phương pháp Realtime PCR đối với các mầm bệnh mang di truyền DNA như sau: - Vi rút: MBV, WSSV, IHNV, HPV và các vi rút khác. - Vi khuẩn gây bệnh AHPND và các vi khuẩn	Mẫu/chỉ tiêu	542.000

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
	khác. - Ký sinh trùng EHP và các ký sinh trùng khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc)		
2	Phát hiện bằng phương pháp PCR đối với các mầm bệnh mang di truyền DNA như sau: - Vi rút: MBV, WSSV, IHHNV, HPV và các vi rút khác. - Vi khuẩn gây bệnh AHPND và các vi khuẩn khác. - Ký sinh trùng EHP và các ký sinh trùng khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc)	Mẫu/chỉ tiêu	498.000
3	Phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PCR đối với mầm bệnh mang di truyền RNA như sau: - Vi rút YHV, TSV, IMNV và các vi rút khác. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc).	Mẫu/chỉ tiêu	463.000
4	Phát hiện bằng phương pháp RT-PCR đối với mầm bệnh mang di truyền RNA như sau: Vi rút YHV, TSV, IMNV và các vi rút khác. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc).	Mẫu/chỉ tiêu	620.000
5	Định lượng vi khuẩn tổng số	Mẫu	198.000
6	Định lượng Vibrio tổng số	Mẫu	198.000

Ghi chú:

- Biểu giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),
- Các chỉ tiêu xét nghiệm khác không có trong danh mục này sẽ được tính theo chỉ tiêu hoặc phương pháp xét nghiệm tương đương.

